UBND HUYỆN PHONG THỔ
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 262/TTr-TNMT

Phong Thổ, ngày 13 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH
V/v thu hồi đất và phê duyệt phương án BTHTTĐC để xây dựng công trình: Điểm sắp xếp dân cư vùng có nguy cơ sẩy ra thiên tai xã Bản Lang, huyện Phong Thổ (giai đoạn 2)

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân huyện Phong Thổ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố thực hiện Thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền UBND tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phong Thổ;

Căn cứ Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng công trình: Điểm sắp xếp dân cư vùng có nguy cơ sẩy ra thiên tai xã Bản Lang, huyện Phong Thổ;

Căn cứ Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 02 dự án trên địa bàn huyện Phong Thổ;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của UBND huyện Phong Thổ về việc ban hành đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện Phong Thổ năm 2024;

Xét Tờ trình số 60/TTr-TTPTQĐ ngày 05/6/2024 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phong Thổ về việc đề nghị thẩm định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình: Điểm sắp xếp dân cư vùng có nguy cơ sẩy ra thiên tai xã Bản Lang, huyện Phong Thổ (giai đoạn 2).

Căn cứ Thông báo thẩm định số 243/TBTĐ-TCKH ngày 11/6/2024 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc thông báo kết quả thẩm định dự toán chi phí tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng công trình Điểm sắp xếp dân cư vùng có nguy cơ sẩy ra thiên tai xã Bản Lang, huyện Phong Thổ (giai đoạn 2).

Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND huyện thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình: Điểm sắp xếp dân cư vùng có nguy cơ sẩy ra thiên tai xã Bản Lang, huyện Phong Thổ (giai đoạn 2) cụ thể như sau:

1. Thu hồi 2.561,7 m^2 đất trồng lúa nước còn lại của hộ gia đình bà Lù Thị Tom tại xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu để xây dựng công trình: Điểm sắp xếp dân cư vùng có nguy cơ sẩy ra thiên tai xã Bản Lang, huyện Phong Thổ.

2. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với các nội dung sau:

*** Tổng mức BTHTTĐC do Chủ dự án phải chi trả là 369.775.020 đồng.**

(Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi năm nghìn, không trăm năm mươi đồng).

Trong đó:

1. Bồi thường, hỗ trợ tái định cư về đất, cây trồng, hoa mầu trên đất bị thu hồi: 349.672.050 đồng.

+ Bồi thường về đất: 69.934.410 đồng

+ Chính sách hỗ trợ: 279.737.640 đồng

(Chi tiết có biểu 01 kèm theo)

2. Chi phí tổ chức thực hiện: 20.103.000 đồng.

(Chi tiết có biểu 02 kèm theo)

- Nguồn vốn chi trả: Lấy từ nguồn kinh phí bồi thường, GPMB của dự án.

Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND huyện xem xét quyết định./.

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- Lưu:VT, ĐĐ.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
H. PHONG THỔ T. LAI CHÂU

Trần Ngọc Phương

BIỂU 01

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ

CÔNG TRÌNH: ĐIỂM SẮP XẾP DÂN CƯ VÙNG CÓ NGUY CƠ SẢY RA THIÊN TAI XÃ BẢN LANG, HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU (GIAI ĐOẠN 2)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TNMT ngày 13/6/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị: đồng

STT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG	ĐVT	SL	ĐG	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
A	**GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG**				**349.672.050**	
	Trong đó:					
	Bồi thường về đất				69.934.410	
	Chính sách hỗ trợ				279.737.640	
	TỔNG CỘNG				**349.672.050**	

BẢNG TÍNH TOÁN CHI TIẾT

STT	HẠNG MỤC	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	ĐỊA CHỈ
1	**Lù Thị Tom (chồng là: Pờ Văn Phúc)**				**349.672.050**	Bản Lang 2, xã Bản Lang
a	***Bồi thường về đất***				***69.934.410***	
	Đất trồng lúa 1 vụ vị trí 3	m²	2.561,7	27.300	69.934.410	
b	***Chính sách hỗ trợ***				***279.737.640***	
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	m²	2.561,7	109.200	279.737.640	

BIỂU 02

DỰ TOÁN CHI KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
CÔNG TRÌNH: ĐIỂM SẮP XẾP DÂN CƯ VÙNG CÓ NGUY CƠ SẢY RA THIÊN TAI XÃ BẢN LANG, HUYỆN PHONG THỔ GIAI ĐOẠN 2

(Kèm theo Tờ trình số 261/TTr-TNMT ngày 13/6/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng cộng				**20.103.000**	
I	**Chi phí dự phòng**					
II	**Chi phí cho công tác tổ chức thực hiện BHHTTĐC**				**20.103.000**	
1	**Chi cho công tác tổ chức thực hiện BTHTTĐC**				**20.103.000**	
a	***Chi công tác tuyên truyền TB các chế độ về BTHTTĐC***				***1.600.000***	
	- Bàn giao và công khai thông báo thu hồi đất; họp dân thông báo các QĐ liên quan đến dự án; phát tờ khai				1.200.000	
	+ Trung tâm Phát triển quỹ đất (lãnh đạo và 03 chuyên môn)	người/ngày	3	200.000	600.000	3 người 1 ngày
	+ Trưởng bản, địa chính xã, lãnh đạo xã tham gia tuyên truyền các chính sách, chế độ về BTHTTĐC khi nhà nước thu hồi đất và vận động các hộ dân thực hiện quyết định thu hồi đất	người/ngày	3	200.000	600.000	3 người 1 ngày
	- Chi phát tờ khai, hướng dẫn các hộ dân kê khai tài sản				400.000	
	+ Trung tâm Phát triển quỹ đất (03 chuyên môn)	người/ngày	2	200.000	400.000	2 người 1 ngày
b	***Kiểm kê, đất đai, tài sản bị ảnh hưởng:***				***3.000.000***	
	- Kiểm kê, kiểm tra đối chiếu giữa tờ khai và kết quả kiểm kê; Phối hợp xác minh nguồn gốc sử dụng đất, tài sản; Xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp; Xác định nhân khẩu				3.000.000	
	+ Trung tâm Phát triển quỹ đất (02 chuyên môn)	người/ngày	6	250.000	1.500.000	2 người 3 ngày
	+ Trưởng bản, địa chính xã tham gia kiểm kê, kiểm tra đối chiếu giữa tờ khai và kết quả kiểm kê; Phối hợp xác minh nguồn gốc sử dụng đất, tài sản; Xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp; Xác định nhân khẩu	người/ngày	6	250.000	1.500.000	2 người 3 ngày

c	***Chi lập, niêm yết lấy ý kiến dự thảo phương án bồi thường***				***4.400.000***	
	- Lập phương án, chỉnh sửa phương án (TTPTQĐ)	người/ngày	4	200.000	800.000	2 người 2 ngày
	- Niêm yết công khai dự thảo phương án				1.200.000	
	+ Trung tâm Phát triển quỹ đất (01 lãnh đạo và 03 chuyên môn)	người/ngày	3	200.000	600.000	3 người 1 ngày
	+ Trưởng bản, địa chính xã, lãnh đạo xã và MTTQ xã tham gia niêm yết công khai dự thảo phương án BTHT&TĐC	người/ngày	3	200.000	600.000	3 người 1 ngày
	- Kết thúc niêm yết phương án và tổng hợp ý kiến, đối thoại với dân về phương án bồi thường				2.400.000	
	+ Trung tâm Phát triển quỹ đất (01 lãnh đạo và 02 chuyên môn)	người/ngày	6	200.000	1.200.000	3 người 2 ngày
	+ Trưởng bản, địa chính xã, lãnh đạo xã và MTTQ xã tham gia kết thúc niêm yết dự thảo phương án BTHT&TĐC và tổng hợp ý kiến, đối thoại với dân về phương án bồi thường	người/ngày	6	200.000	1.200.000	3 người 2 ngày
d	***Hoàn chỉnh, thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường***				***4.400.000***	
	- Thẩm định, tổng hợp phương án BTHTTĐC (Phòng TN&MT)	người/ngày	10	200.000	2.000.000	2 người 5 ngày
	- Phòng TN&MT gửi phương án xin ý kiến các cơ quan: Phòng TCKH; phòng Kinh tế - Hạ tầng				1.200.000	
	+ Phòng Tài chính - KH	*người/ngày*	*6*	200.000	*1.200.000*	*2 người 3 ngày*
	- Thẩm định dự toán chi phí tổ chức thực hiện BTHTTĐC (Phòng TCKH)	người/ngày	6	200.000	1.200.000	2 người 3 ngày
e	***Công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường; chi trả tiền bồi thường***				***2.400.000***	
	- Niêm yết, bàn giao các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án				1.200.000	
	+ Trung tâm Phát triển quỹ đất (01 lãnh đạo và 03 chuyên môn)	người/ngày	3	200.000	600.000	3 người 1 ngày
	+ Trưởng bản, địa chính xã, lãnh đạo xã, MTTQ xã tham gia niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án, bàn giao quyết định thu hồi đất	người/ngày	3	200.000	600.000	3 người 1 ngày
	- Chi trả tiền bồi thường				1.200.000	

	+ Trung tâm Phát triển quỹ đất (01 lãnh đạo và 02 chuyên môn)	người/ngày	3	200.000	600.000	3 người 1 ngày
	+ Trưởng bản, địa chính, UBND xã, tham gia chi trả tiền theo phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư	người/ngày	3	200.000	600.000	3 người 1 ngày
f	***Chi giải quyết những vướng mắc trong tổ chức thực hiện PA BTHTTĐC***				***1.200.000***	
	+ Trung tâm Phát triển quỹ đất (01 lãnh đạo và 02 chuyên môn)	người/ngày	3	200.000	600.000	3 người 1 ngày
	+ Trưởng bản, UBND xã, tham gia chi trả tiền theo phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư	người/ngày	3	200.000	600.000	3 người 1 ngày
g	***Chi in ấn, phôtô tài liệu, văn phòng phẩm***				***3.103.000***	
	Phô tô biên bản tờ khai, các văn bản, quyết định phê duyệt phương án ban hành PA (08 bộ),….hồ sơ gửi chủ đầu tư quyết toán và lưu	tờ	2650	600	1.590.000	
	Đóng quyển phương án	quyển	8	6.000	48.000	
	Giấy A4 paper once	gam	3	90.000	270.000	
	Băng dính gáy	cuộn	1	35.000	35.000	
	Mực in	lọ	1	200.000	200.000	
	Kẹp màu deli 51mm	hộp	3	70.000	210.000	
	Cặp hộp nhựa Deli	cái	3	95.000	285.000	
	Giấy nhớ màu	tập	2	18.000	36.000	
	Ghim chữ A	hộp	2	7.000	14.000	
	Bút bi TL023	cái	10	6.500	65.000	
	Túi cúc Thiên Long F4	cái	5	10.000	50.000	
	Thước dây 50m	cái	2	150.000	300.000	

Công trình: Điểm sắp xếp dân cư vùng có nguy cơ sảy ra thiên tai xã Bản Lang, huyện Phong Thổ

(Kèm theo Tờ trình số 262/TTr-TNMT ngày 12/6/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính m2

Stt	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất	Diện tích thu hồi theo kết quả đo đạc mới							Ghi chú
				Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích thu hồi	Tổng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất thủy lợi (DTL)	
1	Lù Thị Tom	Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	140	118.5	118.5		118.5			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	141	41.1	41.1		41.1			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	142	169.5	169.5		169.5			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	143	264.8	264.8		264.8			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	144	231.0	231.0		231.0			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	145	1.0	1.0		1.0			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	146	15.3	15.3		15.3			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	147	67.1	67.1		67.1			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	148	60.7	60.7		60.7			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	149	11.7	11.7		11.7			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	150	60.6	60.6		60.6			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	151	74.9	74.9		74.9			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	152	54.1	54.1		54.1			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	153	94.4	94.4		94.4			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	154	63.0	63.0		63.0			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	155	25.2	25.2		25.2			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	156	67.2	67.2		67.2			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	157	112.3	112.3		112.3			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	169	37.9	37.9		37.9			

Stt	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích thu hồi	Diện tích thu hồi theo kết quả đo đạc mới					Ghi chú
							Tổng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất thủy lợi (DTL)	
1	Lù Thị Tom	'Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	170	34.9	34.9	-	34.9	-	-	
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	171	26.4	26.4		26.4			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	172	111.0	111.0	-	111.0	-	-	
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	173	142.5	142.5		142.5			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	174	109.7	109.7		109.7			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	175	89.2	89.2		89.2			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	176	45.1	45.1		45.1			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	177	30.5	30.5		30.5			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	179	36.5	36.5		36.5			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	180	20.2	20.2		20.2			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	181	47.4	47.4		47.4			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	182	80.3	80.3		80.3			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	183	67.2	67.2		67.2			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	184	78.2	78.2		78.2			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	185	53.0	53.0		53.0			
			Bản Lang 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	121	186	19.3	19.3		19.3			
	Tổng					**2,561.7**	**2,561.7**	-	**2,561.7**	-	-	
	Tổng Cộng					**2,561.7**	**2,561.7**	-	**2,561.7**	-	-	